

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/DS-ST
Ngày 16 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng xây dựng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 91/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn Q trình bày: Vào tháng 5 năm 2021 giữa ông và ông T có hợp đồng (hợp đồng ông đã làm mất) với nội dung ông làm 01 căn nhà bằng cây gỗ địa phương cho ông T trị giá 10.000.000 đồng, 04 cái chòi bán quán nhậu mỗi cái 2.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng. Sau đó ông có làm thêm sàn, làm cầu, bếp là 12.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành là 30 ngày. Tổng số tiền công là 30.000.000 đồng, sau khi ông làm xong thì ông T có trả ông số tiền 12.000.000 đồng, số tiền còn lại 18.000.000 đồng ông T chưa trả. Do có cái chòi chưa lợp nên ông và ông T có thỏa thuận trừ ra 1.000.000 đồng, ông T còn nợ ông 17.000.000 đồng, ông nhiều lần đến đòi nhưng ông T không chịu trả. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho ông số tiền 17.000.000 đồng.

Ông có thừa nhận có việc thỏa thuận nếu giao trể nhà ông phải chịu bồi thường thiệt hại 10% mỗi ngày trên số tiền 18.000.000 đồng như ông T trình bày. Ông thừa nhận có giao nhà trể cho ông T nguyên nhân do không có thợ làm, do phát sinh nhiều việc ngoài hợp đồng. Ông thừa nhận cất cái nhà lớn diện tích ngang 10m dài 07m, giá 10.000.000 đồng, không thỏa thuận cất phòng, toilet như ông T trình bày, ván lót sàn là ván thông mặt 0,4m dài 4m nhưng ông T không có mua ván thông mà mua ván bạch đàn nên ông yêu cầu thêm 3.000.000 đồng do ván bạch đàn lát mất thời gian hơn. Mỗi chòi 2.000.000 đồng, làm 04 cái, ông đã hoàn thành hết 3 cái còn 01 cái hoàn thành nhưng chưa lợp. Trong quá trình cất thì có phát sinh cầu bắt ra toilet dài 12m và toilet trong hợp đồng không thể hiện việc này, ông đã làm nhưng chưa làm tay vịn hai bên, ông yêu cầu 3.000.000 đồng. Tiền công kéo lá để lợp đoạn đường 100m với số tiền 1.500.000 đồng ông T cũng chưa trả cho ông. Mỗi chòi có làm hai vách lá che mát hai bên, ông làm được 03 chòi số tiền 1.500.000 đồng ông T chưa trả. Ông còn đóng rào xung quanh chòi bằng mê bồ 04 cái chòi, mỗi cái chòi 250.000 đồng, số tiền 1.000.000 đồng. Ông còn làm cái mái che của nhà lớn với số tiền 1.000.000 đồng ông T cũng chưa trả cho ông. Ông còn làm nhà bếp số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với mỗi cái chòi có làm hai vách lá che mát hai bên, ông làm được 03 chòi số tiền 1.500.000 đồng ông T cho rằng nằm trong thỏa thuận ông đồng ý. Tổng số tiền phát sinh khi cất là 11.500.000 đồng cộng với số tiền ông T chưa trả 17.000.000 đồng, tổng 28.500.000 đồng trừ lại 13.500.000 đồng tiền ông T đã trả, tổng số tiền ông T còn nợ ông là 15.000.000 đồng. Do ông T không đồng ý trả số tiền trên nên ông chỉ yêu cầu ông T trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày: Giữa ông và ông Q có thỏa thuận bằng giấy tay hiện ông không còn giữ, nội dung ông Q làm cho ông một cái nhà lớn diện tích ngang 10m dài 07m, nhà lớn có phòng và toilet giá 10.000.000 đồng; 04 cái chòi, mỗi chòi giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng nhà lớn và chòi là 18.000.000 đồng.

Trong quá trình cất có phát sinh 01 cái chòi bếp, giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng hợp đồng số tiền 20.000.000 đồng. Do ông Q chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận nên ông chỉ giao cho ông Q tổng số tiền 13.500.000 đồng. Trong quá trình xây cất thì ông Q chưa làm xong nhiều phần việc và ông phải thuê người khác làm. Hợp đồng thỏa thuận ông Q làm trong 18 ngày hoàn thành giao nhà cho ông. Hai bên thỏa thuận nếu hết hạn trên mà ông Q không giao được nhà thì ông Q phải chịu phạt 10% mỗi ngày trên tổng số tiền 18.000.000 đồng. Khi ông khai trương quán thì ông Q chưa giao được nhà, nên ông tạm ngưng khai trương để cho ông Q làm tiếp, 10 ngày sau kể từ ngày khai trương đầu tiên ông Q vẫn chưa giao được nhà nguyên nhân là do ông Q làm không đúng tiến độ. Ông Q trình bày có bắt cầu ra toilet dài 12m là không có, việc này và một số việc khác như kéo lá, đóng rào xung quanh chòi bằng mê bồ 04 cái chòi là nằm trong hợp đồng. Đối với cái toilet ở ngoài ông Q yêu cầu 2.000.000 đồng là nằm trong thỏa thuận làm toilet công cộng chung cho 04 cái chòi nên yêu cầu này ông không đồng ý. Ông đã trả cho ông Q 13.500.000 đồng nhưng ông bị thiệt hại do không khai trương được

quán hai lần khai trương đầu là 17 ngày, mỗi ngày 1.800.000 đồng (10%/ngày/18.000.000 đồng) bằng số tiền 30.600.000 đồng. Ông xác định ông không yêu cầu gì về thiệt hại ông trình bày ở trên và không đồng ý theo yêu cầu của ông Q.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu ông T trả 10.000.000 đồng tiền xây cất nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn Q khởi kiện yêu cầu trả tiền công trong hợp đồng xây dựng nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” và các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Kim T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Q yêu cầu ông Nguyễn Kim T trả tiền xây dựng nhà với số tiền 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có thỏa thuận việc ông Q xây cất nhà và chòi bán quán cho ông T và hai bên có làm giấy tay với nhau nhưng hiện đã thất lạc, không ai còn giữ để cung cấp cho Tòa án. Xét việc thỏa thuận của ông Q và ông T là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm giao kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ông Q cho rằng đã thực hiện việc xây cất các hạng mục như cất 01 căn nhà lớn, 04 chòi lá để bán quán nhậu. Quá trình xây cất có phát sinh thêm việc lót sàn, làm đường ra toilet, làm nhà bếp, tiền công kéo lá, đóng rào quanh chòi....ông đã nhận của ông T tổng cộng 13.500.000 đồng, ông T còn nợ ông 15.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu ông T trả cho ông 10.000.000 đồng để trả tiền công cho những người ông đã thuê. Ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông Q với lý do là hai bên thỏa thuận ông Q xây cất hoàn thành và giao nhà cho ông trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày bắt đầu xây cất nhưng ông Q giao nhà trễ hạn dẫn đến việc ông bị thiệt hại do chậm khai trương quán và mất thu nhập 17 ngày, mỗi ngày 1.800.000 đồng (10%/ngày/18.000.000 đồng) bằng số tiền 30.600.000 đồng.

[3] Thấy rằng, giữa ông Q và ông T thỏa thuận hợp đồng xây dựng nhà, ông Q có nghĩa vụ xây cất nhà và bàn giao, ông T có nghĩa vụ thanh toán tiền công xây dựng cho ông Q. Ông Q yêu cầu ông T trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng ông Q

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho thỏa thuận hợp đồng xây cất nhà bao gồm nội dung ông Q phải thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành và những vấn đề phát sinh khi thực hiện. Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông Q nhưng ông Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền ông T cần phải trả cho ông là bao nhiêu, có lúc ông yêu cầu 17.000.000 đồng, lúc thì 15.000.000 đồng và tại phiên tòa ông yêu cầu 10.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa ông Q còn thừa nhận có giao nhà cho ông T trễ 15 ngày lý do ông đưa ra là do dịch bệnh Covid-19 dẫn đến việc thuê mướn nhân công gặp khó khăn và các hạng mục phát sinh khi cất nhà. Lý do này của ông Q đưa ra là không có cơ sở chấp nhận, nghĩa vụ ông Q phải thực hiện thì ông phải có kế hoạch để hoàn thành đúng tiến độ, nếu có giao trễ thì cũng phải có sự thương lượng, thỏa thuận với ông T. Còn việc ông cho rằng do dịch bệnh cũng không có cơ sở do dịch bệnh ảnh hưởng đến toàn xã hội, không phải chỉ ảnh hưởng riêng bản thân ông.

[4] Ông T cho rằng ông Q giao nhà chậm trễ cho ông vấn đề này được ông Q thừa nhận, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, cả ông Q và ông T đều có lỗi trong việc giao kết hợp đồng, không có hợp đồng thể hiện rõ ràng nội dung thỏa thuận cũng như nghĩa vụ của hai bên nên mỗi bên tự gánh chịu hậu quả của việc này.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí sơ thẩm: Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q nên ông Q phải chịu án phí sơ thẩm $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$; bị đơn ông Nguyễn Kim T không phải chịu án phí là phù hợp theo quy định điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385; Điều 400; Điều 402 Bộ luật Dân sự; Điều 138; Điều 139; Điều 144 Luật xây dựng; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Kim T trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kim T không phải chịu. Ông Phan Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng. Ngày 01/11/2021 ông Phan Văn Q có dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số tiền 425.000 đồng theo biên lai thu số 0004107 được đối trừ ông Q còn phải nộp tiếp số tiền 75.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan

